

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST

Ngày 11- 9 – 2017.

“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Khắc Dũng.
Bà Nguyễn Thị Tuyết.
- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Nguyệt, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 139/2017/HNGĐ-ST ngày 03/5/2017 về việc *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/HNGĐ-ST ngày 21/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/HNGĐ-ST ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1992.
Nơi cư trú: Thôn A, xã EM, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk(Có mặt).
- **Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1996.
Nơi cư trú: Thôn B, xã EM, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Trần Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã EM. Thời gian đầu chung sống, chúng tôi sống hoà thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cô H nghe lời mẹ ruột, xúi cô H đòi ra ở riêng, trong khi đó hoàn cảnh gia đình tôi chỉ có một mẹ một con, mẹ tôi thường xuyên đau ốm, nên tôi không đồng ý ở riêng, mà phải ở chung để có thời gian chăm sóc mẹ tôi, tôi đã giải thích rõ cho cô H nghe, nhưng cô H không đồng ý đòi ra ở riêng, nên giữa chúng tôi xảy ra mâu thuẫn. Tháng 03/2016, cô H có thai không may bị xảy thai, bản thân tôi chăm sóc cho cô H, đến thời kỳ phun thuốc sâu cho tiêu, cà phê, tôi có chở cô H về nhà mẹ đẻ cô H để nghỉ ngơi, tránh ảnh hưởng đến sức khỏe, được một thời gian thì cô H thu đồ đạc cá nhân của cô H mang đi, tôi có hỏi lý do, cô H nói ly hôn và có nói hỗn với tôi, bức xúc tôi có tát cô H 02 cái, thì

cô H gọi người nhà đến nhà tôi làm âm lên, sau đó người nhà cô H đưa cô H về nhà mẹ ruột ở, được thời gian thì cô H xuống Sài Gòn làm việc, tôi có tìm mọi cách để liên lạc với cô H để vợ chồng về đoàn tụ nhưng cô H không về và chúng tôi sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, chúng tôi không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên ông N có nguyện vọng được ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông N và bà H chưa có con chung.

Về tài sản chung nợ chung: Ông N và bà H không có tài sản chung, nợ chung, tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2017 bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã EM, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N hay đi chơi với bạn bè, đi qua đêm, chơi bi da, khi về nhà 02 vợ chồng có nói qua lại và anh N hứa hẹn sẽ sửa đổi nhưng anh chỉ hứa hẹn không có sự thay đổi nào hết. Cuối năm 2015, tôi có thai được 6 tuần tuổi, cũng vào thời điểm anh N phải đi tập dân quân, nên tôi phải tự mình kéo ống để tưới tiêu, không may tôi bị xảy thai vì đã làm việc nặng, anh N có đưa tôi đi khám và chở tôi về nhà, đến khi tôi về nhà anh N nghỉ ngơi được 10 ngày thì anh N chở tôi về bên nhà mẹ ruột tôi để mẹ tôi chăm sóc với lý do bên nhà anh N đang phun thuốc cho tiêu, tránh làm tôi mệt mỏi thêm, cho tôi về ngoại nghỉ ngơi, trong lúc tôi về bên nhà bố mẹ đẻ thì anh N lại đi chơi, không lo làm ăn, khi anh N xuống nhà nói chuyện, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và anh N có gọi mẹ tôi vào đòi trả lại cho mẹ tôi. Trong vòng 02 tháng tôi ở nhà mẹ tôi, anh N không quan tâm, ngó ngang gì, bỏ mặc tôi, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N có nguyện vọng ly hôn nên bà H đồng ý với yêu cầu của anh N. Về con chung và tài sản chung, nợ chung bà H thống nhất với ý kiến của ông N.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà Trần Thị H có đến Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp xem xét, tiếp cận và công khai chứng cứ, ngoài ra bà H không đến tham gia hòa giải tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar không thể tiến hành hòa giải được vụ án.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án, bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông Nguyễn Xuân N được ly hôn với bà Trần Thị H.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm

bảo đúng theo quy định Điều 179; Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân N. Ông Nguyễn Xuân N được ly hôn với bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc ly hôn giữa ông N và bà Trần Thị H, bà Trần Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã EM, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt lần thứ 02 tuy nhiên bà H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân N và bà Trần Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã EM, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Qua yêu cầu ly hôn của ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng bắt nguồn từ việc vợ chồng không có sự thông cảm, tôn trọng nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Ông N và bà H không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2016 cho đến nay, trong thời gian không chung sống, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, ông N và bà H không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà H theo quy định tại Khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung ông Nguyễn Xuân N và bà Trần Thị H chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, hai đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5, điểm b, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Nguyễn Xuân N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14; quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân N.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ông Nguyễn Xuân N được ly hôn với bà Trần Thị H.
- **Về con chung:** Hai đương sự chưa có con chung nên không đề cập đến để giải quyết.
- **Về tài sản chung, nợ chung:** Trong thời gian chung sống, hai đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- **Về án phí:** Ông Nguyễn Xuân N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0036939 ngày 03/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar.
- **Quyền kháng cáo:** Ông Nguyễn Xuân N được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã EM;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện